

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH

Tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy năm 2023

1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương của Việt Nam hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT) đăng ký xét tuyển vào trường;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế Tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD-ĐT).

2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong nước và quốc tế.

3. Phương thức tuyển sinh

Năm 2023 Trường Đại học Hà Tĩnh dự kiến tuyển sinh theo các phương thức tuyển sinh sau:

3.1. *Phương thức 1*: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023;

3.2. *Phương thức 2*: Xét tuyển kết quả học tập lớp 11 hoặc lớp 12 THPT (học bạ);

3.3. *Phương thức 3*: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài;

3.4. *Phương thức 6*: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (theo điều 8, quy chế tuyển sinh)

a. Các ngành đào tạo sư phạm xét tuyển thẳng đối với các học sinh đã tốt nghiệp trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố vào các ngành phù hợp với môn học chuyên hoặc môn đoạt giải nếu đáp ứng điều kiện: Ba năm học THPT chuyên của tỉnh đạt học sinh giỏi hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức.

b. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải;

Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT, được ưu tiên xét tuyển vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải;

Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp THPT được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT;

c. Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

d. Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học: Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt quy định tại

Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ GDĐT để xem xét, quyết định cho vào học;

e. Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2021; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ được xem xét, Hiệu trưởng quyết định cho vào học;

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 (một) năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do hiệu trưởng quy định;

f. Người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên; người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá có ít nhất 2 (hai) năm làm việc theo chuyên ngành hoặc nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại Điều 5 của Quy chế tuyển sinh được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

g) Người đoạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp THPT hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành thì được tuyển thẳng vào trường để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đoạt giải;

Đối với ngành Giáo dục mầm non, trường tổ chức thi hoặc sử dụng kết quả thi của các trường khác môn Kể chuyện, Đọc diễn cảm, Hát, Nhạc.

4. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh cần đáp ứng các điều kiện chung của quy chế tuyển sinh (ở mục 1);

- Thí sinh được đăng ký không giới hạn nguyện vọng (NV) theo mã ngành của Trường và phải xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp (NV1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển 1 NV cao nhất mà Trường xét tuyển khi đủ điều kiện và không được xét các NV tiếp theo khi đã trúng tuyển NV ưu tiên cao nhất;

- Xét tuyển theo mã ngành, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh;

- Xét tuyển theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân;

- Nếu xét tuyển cho mỗi đối tượng chưa đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại chuyển sang cho đối tượng khác;

- Nếu vượt quá chỉ tiêu, các thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì ĐTB12 của thí sinh nào cao hơn được xét trước.

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học và phải nhập học trong thời hạn quy định theo thông báo của Trường. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và kết quả trúng tuyển sẽ bị hủy để chuyển chỉ tiêu cho đối tượng khác.

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng

5.1. Đối với ngành đào tạo thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên ở các trình độ đại học, cao đẳng

a) Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023: căn cứ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD-ĐT, trường xây dựng phương án xét tuyển và công bố trên trang thông tin điện tử của trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD-ĐT.

b) Xét tuyển dựa trên tổ hợp các môn học ở THPT

- Đối với trình độ đại học, xét tuyển học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên; Điểm bài thi/môn thi xét tuyển hoặc điểm trung bình cộng các bài thi/môn thi xét tuyển tối thiểu là 8,0 trở lên.

- Đối với trình độ cao đẳng Giáo dục mầm non, xét tuyển học sinh có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên; Điểm bài thi/môn thi xét tuyển hoặc điểm trung bình cộng các bài thi/môn thi xét tuyển tối thiểu là 6,5 trở lên.

5.2. Đối với các ngành khác

- Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập năm lớp 11, 12 THPT: điểm trung bình cộng của các môn học thuộc tổ hợp môn xét tuyển không nhỏ hơn 5.0.

5.3. Xét tuyển người nước ngoài vào học chương trình đại học

- Văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp của Việt Nam theo quy định pháp luật của Việt Nam hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước gửi lưu học sinh là thành viên đối với từng cấp học và trình độ đào tạo;

- Có chứng chỉ Tiếng Việt hoặc đã tốt nghiệp các cấp học ở giáo dục phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ bằng tiếng Việt hoặc hoàn thành chương trình dự bị tiếng Việt.

- Lưu học sinh phải có đủ sức khỏe để học tập tại Việt Nam.

6. Các thông tin cần thiết khác

- Mã trường: HHT

- Mã ngành và tổ hợp môn xét tuyển:

+ Đại học

TT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp
1	Sư phạm Toán học	7140209	40	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A09: Toán, Địa, GDCD; B00: Toán, Hóa, Sinh

TT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp
2	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	60	D01: Văn, Toán, Anh; D14: Văn, Sử, Anh; D15: Văn, Địa, Anh; D66: Văn, GDCD, Anh;.
3	Giáo dục Mầm non	7140201	200	M00: Toán, Văn, NK(Độc diễn cảm-Hát); M01: Văn, NK1(Kể chuyện -Độc diễn cảm), NK2(Hát-Nhạc); M07: Văn, Địa, NK(Độc diễn cảm-Hát); M09: Toán, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm); NK2 (Hát - Nhạc).
4	Giáo dục Tiểu học	7140202	250	C04: Văn, Toán, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; C20: Văn, Địa, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh.
5	Giáo dục Chính trị	7140205	20	A00: Toán, Lý, Hóa; C00: Văn, Sử, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh.
6	Sư phạm Vật lý	7140211	20	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; C01: Văn, Toán, Lý
7	Sư phạm Hóa học	7140212	20	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; C02: Văn, Toán, Hóa; D07: Toán, Hóa, Anh.
8	Sư phạm Tin học	7140210	20	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; A09: Toán, Địa, GDCD.
9	Quản trị kinh doanh	7340101	100	A00: Toán, Lý, Hóa; C14: Văn, Toán, GDCD; C20: Văn, Địa, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh.
10	Tài chính - Ngân hàng	7340201	100	A00: Toán, Lý, Hóa; C14: Văn, Toán, GDCD;

TT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp
				C20: Văn, Địa, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh.
11	Kế toán	7340301	100	A00: Toán, Lý, Hóa; C14: Văn, Toán, GDCD; C20: Văn, Địa, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh.
12	Luật	7380101	100	A00: Toán, Lý, Hóa; C00: Văn, Sử, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh;.
13	Khoa học môi trường	7440301	100	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; B03: Toán, Sinh, Văn; D07: Toán, Hóa, Anh.
14	Công nghệ thông tin	7480201	40	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; A09: Toán, Địa, GDCD.
15	Kỹ thuật xây dựng	7580201	40	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; A09: Toán, Địa, GDCD.
16	Khoa học cây trồng	7620110	30	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; B03: Toán, Sinh, Văn; D07: Toán, Hóa, Anh.
17	Kinh tế nông nghiệp	7620115	30	A00: Toán, Lý, Hóa; C14: Văn, Toán, GDCD; C20: Văn, Địa, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh.
18	Thú y	7640101	30	A00: Toán, Lý, Hóa; A09: Toán, Địa, GDCD; B00: Toán, Hóa, Sinh; D07: Toán, Hóa, Anh.

TT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp
19	Ngôn ngữ Anh	7220201	30	D01: Văn, Toán, Anh; D14: Văn, Sử, Anh; D15: Văn, Địa, Anh; D66: Văn, GDCD, Anh;.
20	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	150	C00: Văn, Sử, Địa; C20: Văn, Địa, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh; D66: Văn, GDCD, Anh.
21	Chính trị học	7310201	30	A00: Toán, Lý, Hóa; C00: Văn, Sử, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh.
22	QTĐV Du lịch và Lữ hành	7810103	40	A00: Toán, Lý, Hóa; C14: Văn, Toán, GDCD; C20: Văn, Địa lý; GDCD; D01: Văn, Toán, Anh

+ Cao đẳng

TT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp
1	Giáo dục Mầm non	51140201	50	M00: Toán, Văn, NK(Độc diễn cảm-Hát); M01: Văn, NK1(Kể chuyện -Độc diễn cảm), NK2(Hát-Nhạc); M07: Văn, Địa, NK(Độc diễn cảm-Hát); M09: Toán, NK1 (Kể chuyện - Độc diễn cảm); NK2 (Hát - Nhạc).

Sử dụng điều kiện so sánh điểm trung bình học tập lớp 12 (ĐTB12) trong xét tuyển. Nếu các thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì ĐTB12 của thí sinh nào cao hơn được xét trước.

7. Tổ chức tuyển sinh

7.1. Hồ sơ xét tuyển

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 11, 12 THPT

- + Phiếu đăng ký xét tuyển (Phụ lục 1);
- + Bản sao có công chứng học bạ THPT;
- + Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2023);
- *Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT*
- + Phiếu đăng ký xét tuyển (Phụ lục 2).
- + Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2023);

7.2. Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển

Nhận hồ sơ từ ngày 06/02/2023 đến ngày 31/12/2023;

(Đối với học sinh tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, có thể nộp hồ sơ đăng ký trước và bổ sung Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời sau khi có kết quả xét tốt nghiệp THPT)

7.3. Thi tuyển môn Năng khiếu (Kể chuyện, Đọc diễn cảm, Hát, Nhạc)

Trường tổ chức thi tuyển các môn Kể chuyện, Đọc diễn cảm, Hát, Nhạc cho thí sinh đăng ký vào ngành Giáo dục Mầm non, cụ thể:

- *Thời gian đăng ký dự thi:* Từ ngày 06/2/2023 (Phụ lục 3).

- *Thời gian tổ chức thi:*

+ Đợt 1: tháng 7/2023

+ Đợt 2: tháng 8/2023

+ Đợt 3: tháng 9/2023

Sau khi có kết quả thi các phần thi Kể chuyện, Đọc diễn cảm, Hát, Nhạc, Nhà trường sẽ cập nhật vào hệ thống quản lý dữ liệu tuyển sinh quốc gia danh sách thí sinh dự thi (theo số Căn cước công dân) và kết quả thi các phần thi Kể chuyện, Đọc diễn cảm, Hát, Nhạc.

7.4. Hình thức nhận hồ sơ:

a. Nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện: Thí sinh nộp theo địa chỉ Phòng Đào tạo, Trường Đại học Hà Tĩnh, xã Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh;

b. Nhận hồ sơ online: Thí sinh nộp hồ sơ online theo hướng dẫn của trường trên địa chỉ www.ts.htu.edu.vn hoặc truy cập mục tuyển sinh trên trang www.htu.edu.vn.

8. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Tuyển sinh đợt 1: tháng 2/2023

- Tuyển sinh đợt 2: tháng 3/2023

- Tuyển sinh đợt 3: tháng 4/2023

- Tuyển sinh đợt 4: tháng 5/2023

- Tuyển sinh đợt 5: tháng 6/2023

- Tuyển sinh đợt 6: tháng 7/2023
- Tuyển sinh đợt 7: tháng 8/2023
- Tuyển sinh đợt 8: tháng 9/2023
- Tuyển sinh đợt 9: tháng 10/2023
- Tuyển sinh đợt 10: tháng 11/2023
- Tuyển sinh đợt 11: tháng 12/2023

9. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học: từ TC, CD, DH đối với người có bằng DH, từ TC lên CD ngành Giáo dục Mầm non

9.1. Đối tượng tuyển sinh

Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và bằng tốt nghiệp THPT; người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành; người có bằng tốt nghiệp trình độ CD trở lên.

9.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

9.3. Phương thức tuyển sinh: thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển

9.4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Thi tuyển do trường tổ chức: điểm các môn thi tối thiểu phải 5.0 điểm trở lên.
- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập năm lớp 12 THPT: điểm trung bình chung của các môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển không nhỏ hơn 5.0.
- Xét tuyển dựa vào kết quả tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học: tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng, hoặc trình độ đại học đạt loại trung bình trở lên.

9.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

9.5.1. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 THPT

Mã ngành, tổ hợp môn xét tuyển:

TT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp
1	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	D01: Văn, Toán, Anh; D15: Văn, Địa, Anh; D66: Văn, GDCD, Anh; D14: Văn, Sử, Anh.
2	Giáo dục Mầm non	7140201	M00: Toán, Văn, NK(Đọc diễn cảm-Hát); M01: Văn, NK1(Kể chuyện-Đọc diễn cảm), NK2(Hát-Nhạc); M07: Văn, Địa, NK(Đọc diễn cảm-Hát); M09: Toán, NK1 (Kể chuyện-Đọc diễn cảm); NK2 (Hát-Nhạc).

TT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp
3	Giáo dục Tiểu học	7140202	C20: Văn, Địa, GDCD; C14: Toán, Văn, GDCD; C04: Toán, Văn, Địa; D01: Toán, Văn, Anh.
4	Kế toán	7340301	A00: Toán, Lý, Hóa; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh; C20: Văn, Địa, GDCD.
5	Luật	7380101	A00: Toán, Lý, Hóa; C00: Văn, Sử, Địa; D01: Văn, Toán, Anh; C14: Văn, Toán, GDCD.
6	Công nghệ thông tin	7480201	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; A09: Toán, Địa, GDCD.
7	Thú y	7640101	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; D07: Toán, Hóa, Anh; A09: Toán, Địa, GDCD.
8	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01: Văn, Toán, Anh; D15: Văn, Địa, Anh; D66: Văn, GDCD, Anh; D14: Văn, Sử, Anh.
9	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01: Văn, Toán, Anh; D66: Văn, GDCD, Anh; C00: Văn, Sử, Địa; C20: Văn, Địa, GDCD.

9.5.2. Xét tuyển dựa vào kết quả thi do trường tổ chức.

Trường tổ chức thi tuyển sinh liên thông riêng: tự ra đề thi và tổ chức thi tuyển.

Các môn thi tuyển sinh liên thông riêng bao gồm: môn cơ bản, môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành hoặc thực hành nghề.

9.5.3. Hồ sơ xét tuyển gồm:

- + Phiếu đăng ký tuyển sinh (Phụ lục 4);
- + Bản sao học bạ trung học phổ thông;
- + Bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông;
- + Bản sao bằng tốt nghiệp Trung cấp (nếu liên thông từ trung cấp); Bản sao bằng tốt nghiệp Cao đẳng (nếu liên thông từ Cao đẳng), Bản sao bằng tốt nghiệp Đại học (nếu liên thông từ đại học).

9.5.4 Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển: từ ngày 06/02/2023 đến ngày 31/12/2023.

10. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

10.1. Xét tuyển: 20.000 đồng/hồ sơ;

10.2 Thi tuyển: 150.000 đồng/phần thi.

11. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm.

Khối ngành đào tạo	2022-2023 (01 tháng)	2023-2024 (01 tháng)	2024-2025 (01 tháng)	2025-2026 (01 tháng)
- Khoa học tự nhiên; - Máy tính và công nghệ thông tin; - Kiến trúc và xây dựng	1 170 000	1 380 600	1 629 108	1 922 347
Các khối ngành còn lại	980 000	1 156 400	1 364 552	1 610 171

12. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Lĩnh vực đào tạo	Trình độ đào tạo	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm (%)	Ghi chú
Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Đại học	91.38	
Kinh doanh và quản lý	Đại học	94.87	
Pháp luật	Đại học	84.85	
Khoa học tự nhiên	Đại học	100	
Máy tính và công nghệ thông tin	Đại học	100	
Kiến trúc và xây dựng	Đại học	90.91	
Nhân văn	Đại học	100	
Trung bình		89.38	

13. Địa chỉ liên hệ

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Hà Tĩnh, Nhà 15 tầng, Cơ sở Cẩm Vịnh, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

Điện thoại: 0941 332 333; 0963 300 555.

Email: tuyensinh@htu.edu.vn